

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 178/2020/HS-ST
Ngày 09-9-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ái;

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Lê Thị Tý và Nguyễn Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiên Quý Nhân – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Đoàn Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 138/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu N, sinh năm 1994, tại tỉnh V L. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T N, xã T C, huyện T Ô, tỉnh V L; nơi ở: Nhà số 358/9, đường P Đ, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ này không có ai tên Nguyễn Hữu N); nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Bích N; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 24/12/2014, bị Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 27/8/2015, mới chỉ chấp hành xong một phần quyết định khác ngày 24/4/2015, án tích chưa được xóa); ngày 26/02/2016, bị Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” (lần phạm tội này là “Tái phạm”, đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 28/9/2018 và quyết định khác ngày 06/6/2016, án tích chưa được xóa); tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 24/6/2011, bị Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản” (khi phạm tội đã đủ 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi, chấp hành xong hình phạt chính ngày 31/8/2012 và quyết định khác ngày 21/5/2012, án tích đã được xóa); bị bắt tạm giam ngày 26-11-2019 “có mặt”;

2. Trần Quan G (tên gọi khác: T Q, H T), sinh năm 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 552, đường H X N, phường P T, quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Nhà số 10, B C, Phường M, quận T B T phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quan H và bà Mai Thị Ngọc T; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 24/7/2012, bị Tòa án Nhân dân

quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về “Tội cướp giật tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 14/6/2014 và quyết định khác ngày 31/8/2012, án tích chưa được xóa); ngày 17/9/2015, bị Tòa án Nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 03 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản” (lần phạm tội này là “Tái phạm nguy hiểm”, đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 09/02/2018, án tích chưa được xóa); N thân: Ngày 30/5/2005, bị Tòa phúc thẩm-Tòa án Nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2004 về “Tội cướp giật tài sản” (khi phạm tội đã đủ 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi, án tích đã được xóa); ngày 21/12/2007, bị Tòa án Nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 08/02/2009 và quyết định khác ngày 01/4/2008, án tích đã được xóa); bị tạm giữ ngày 18-11-2019 (tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp), tạm giam ngày 24-11-2019 “có mặt”;

3.Liêu Thanh L (tên gọi khác: L C), sinh năm 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng hộ khẩu ký thường trú: Nhà số 168/65, đường A C L, phường B T Đ, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh (không có đăng ký thường trú, tạm trú và thực tế cũng không cư trú tại đây); nơi ở: Nhà số 264/12, đường L V Q, Khu phố M, phường BHHA, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn T (chết) và bà Liêu Ngọc N; chưa có vợ con; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 07/8/2017, bị Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng (đã chấp hành xong Quyết định ngày 08/12/2018, chưa được coi là chưa từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính); Nhân thân: Ngày 04/9/2012, bị Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 07 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản” (khi phạm tội đã đủ 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi, chấp hành xong hình phạt chính ngày 29/4/2014 và quyết định khác ngày 31/10/2012, án tích đã được xóa); ngày 07/01/2015, bị Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng (đã chấp hành xong Quyết định ngày 07/12/2016, được coi là chưa từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính); bị bắt tạm giữ ngày 18-11-2019 (tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp), tạm giam ngày 24-11-2019 “có mặt”;

4.Phan Văn Th, sinh năm 1994, tại T phố Cần Thơ. Nơi đăng hộ khẩu ký thường trú: Nhà số 40/2B, Khu vực Y T, phường L B, quận C R, Thành phố Cần Thơ; nơi ở: Nhà số 11, đường L L, phường P T H, quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn V và bà Thái Thị N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam ngày 26-11-2019 “có mặt”;

5.Đỗ Hoàng T (tên gọi khác: Q K), sinh năm 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng hộ khẩu ký thường trú: Nhà số 373/155/3, đường L T K, Phường C, quận T B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hoàng L và bà Bùi L; có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ

nhất sinh năm 2013; tiền án: Ngày 13/5/2015, bị Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về “Tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” (tổng hợp hình phạt của cả 02 tội là 01 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt chính ngày 06/7/2016, xong 01 phần quyết định khác ngày 20/7/2015 và phần còn lại ngày 24/02/2020, án tích chưa được xóa); tiền sự: Không có; N thân: Ngày 03/6/2020, bị Tòa án Nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2019 về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2020/HSST và hiện nay đang chấp hành bản án này); ngày 01/7/2020, bị Tòa án Nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2019 về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST và bị cáo đã kháng cáo nên bản án này chưa có hiệu lực pháp luật) “có mặt”.

*Bị hại: Anh Lại Văn L1, sinh năm 1973. Nơi đăng ký thường trú: Nhà số A10/2B, Ấp 1, xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”.

*Người bào chữa cho bị cáo L: Luật sư Phan Huyền V-thuộc Văn phòng Luật sư Phan G-Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 16/9/2019, anh Lại Văn L1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, biển số 59L1-022.66 chở các chị Văn Trúc N và Huỳnh Thị Bích T dừng xe trước nhà số 83, đường Liên khu 16-18, Khu phố 18, phường B T Đ, quận B T thì anh L1 liền bị 04 thanh niên đi trên 02 xe mô tô chạy đến dừng bình xịt hơi cay xịt vào người rồi chiếm đoạt chiếc xe tẩu thoát hướng về đường C L. Ngay sau khi sự việc xảy ra, anh L1 đã đến Công an phường Bình Trị Đông trình báo. Công an phường tiếp nhận vụ việc, lập hồ sơ ban đầu và sau đó chuyển cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 17/11/2019, Công an phường Bình Hưng Hòa A tuần tra đến trước nhà số 214, Đường T, Khu phố 6, phường B H H A, quận B T thì nhìn thấy Liêu Thanh L có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện thu giữ của L 01 cái ba lô đang đeo trên người, bên trong có 02 bình xịt hơi cay và 01 con dao Thái Lan. Xem số công cụ này và hình ảnh của L giống với hình ảnh được camera ghi nhận tại hiện trường vụ cướp xảy ra ngày 16/9/2019 nên thông báo cho Cơ quan điều tra đến phối hợp giải quyết. Qua lời khai ban đầu của L, Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét đưa Trần Quan G về làm việc, đồng thời ghi lời khai của Phan Văn Th và Nguyễn Hữu N tại Trung tâm cai nghiện Nhị Xuân thì L, G, T và N khai nhận cụ thể như sau:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 16/9/2019, tại tiệm game bắn cá trên đường B C thuộc quận T B, Trần Quan G rủ Phan Văn Th, Nguyễn Hữu N và Liêu Thanh L dùng bình xịt hơi cay đi tìm người xịt vào họ để lấy tài sản thì được cả nhóm đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter 135, biển số 59U1-226.17 chở N ngồi sau (đeo túi xách trước ngực, bên trong có 01 bình xịt hơi cay);

còn T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter (không nhớ biển số xe, có mang theo 01 bình xịt hơi cay và bộ đồ án để mở khóa xe) chờ. Cả nhóm đi qua nhiều tuyến đường, khi đến đường Liên Khu 16–18 thì phát hiện anh Lại Văn L1 đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, biển số 59L1-022.66 chở 02 người bạn gái tên Văn Trúc N và Huỳnh Thị Bích T nên cả nhóm chạy theo sau để tìm cơ hội lấy xe. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, L thấy anh L1 dừng xe lại trước nhà số 83, đường L K 16-18, Khu phố 18, phường B T Đ, quận B T và xung quanh thanh vắng nên L cho chạy xe lên cúp vào ngang đầu xe anh L1, còn N bước xuống dùng bình xịt hơi cay xịt vào người anh L1. Thấy vậy, anh L1 rút chìa khóa xe bỏ chạy theo 02 chị T và N. Để thuận lợi cho việc lấy chiếc xe của anh L1, N tiếp tục đuổi theo và xịt hơi cay vào người anh. Lúc này, G ngồi lên xe của anh L1 để T điều khiển xe Jupiter chở N và dùng chân đẩy chiếc xe này chạy đi, còn L điều khiển xe Exciter chạy theo sau. Cả nhóm tẩu thoát được một đoạn thì G dừng xe lại bẻ khóa công tắc xe nhưng bẻ không được nên kêu T qua bẻ. Khi T bẻ khóa xong, cả nhóm chạy về khu vực nghĩa trang ở phường B H H, quận B T để kiểm tra xem xe có gắn thiết bị định vị không rồi mới tiếp tục đến tiệm game bắn cá trên đường N S, quận T P gặp tên P (không rõ lai lịch) nhờ liên hệ với Đỗ Hoàng T bán xe của anh L1. Sau đó Tiến đến, L là người trực tiếp giao dịch bán xe và khi đó tên P có nói cho T biết là chiếc xe này do nhóm của L vừa mới cướp được nhưng T vẫn đồng ý mua với giá 21.000.000 đồng, tuy T dự định mua để sử dụng nhưng do chơi game bắn cá thua hết tiền nên mới bán lại chiếc xe này lại cho người không rõ lai lịch cũng với giá như lúc mua là 21.000.000 đồng. Có tiền, L chia cho mỗi người 4.500.000 đồng, trả công cho tên P 500.000 đồng; còn 2.500.000 đồng trả tiền khách sạn và ăn uống chung.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Quan G, Nguyễn Hữu N, Liêu Thanh L và Phan Văn Th cùng khai nhận: Lúc bị cáo G rủ các bị cáo còn lại sử dụng bình xịt cay đi xịt vào người khác để lấy tài sản bán kiếm tiền tiêu xài thì được cả nhóm đồng ý. Khi đó, bị cáo L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter 135, biển số 59U1-226.17 chở bị cáo N ngồi sau có đeo cái balô màu đen trước ngực, bên trong có 01 bình xịt hơi cay; còn bị cáo T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter (không nhớ biển số xe, có mang theo 01 bình xịt hơi cay và bộ đồ án để mở khóa xe) chở G cùng đi qua nhiều tuyến đường tìm kiếm. Đến khoảng 03 giờ ngày 16/9/2019, bị cáo G phát hiện anh Lại Văn L1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, biển số 59L1-022.66 chở các chị Văn Trúc N và Huỳnh Thị Bích T chạy trên đường, cả nhóm bám theo sau đến khi anh L1 vừa dừng lại bên lề đường vắng người. Ngay lúc này, bị cáo L cho chạy xe lên cúp vào chặn ngang đầu xe anh L1, còn bị cáo N sử dụng bình xịt hơi cay xịt vào mặt anh L1. Bị cáo N thấy anh L1 rút chìa khóa xe ra bỏ chạy bộ theo các chị T và N nên chạy đuổi theo và tiếp tục xịt hơi cay vào phía sau người anh L1. Lúc này, bị cáo G ngồi lên xe của anh L1 để cho bị cáo T điều khiển xe khác đẩy xe anh L1 chạy tẩu thoát. Trên đường đi, do bị cáo T bẻ được khóa công tắc xe nên G nổ máy xe tự chạy đi cùng với cả nhóm đến tiệm game bắn cá trên đường N S, quận T P gặp tên P (không rõ lai lịch) nhờ liên hệ với bị cáo Đỗ Hoàng T để bán xe. Khi bị cáo T đến, tên P nói cho bị cáo T biết là chiếc xe này do nhóm của bị cáo L vừa mới cướp được và bị cáo L là người trực tiếp giao dịch bán xe cho bị cáo T được 21.000.000 đồng. Có tiền, bị cáo L chia

cho mỗi người 4.500.000 đồng, trả công cho tên P 500.000 đồng và số còn lại sử dụng chung.

Riêng bị cáo Đỗ Hoàng T khai nhận: Bị cáo L chính là người trực tiếp đứng ra giao dịch bán chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, biển số 59L1-022.66 với bị cáo và khi đó tên P (không rõ lai lịch) có nói cho bị cáo nghe chiếc xe này do nhóm của bị cáo L vừa mới cướp được của người khác mà có. Do thấy xe không có giấy tờ và ổ khóa công tắc xe bị phá nên bị cáo tin chắc lời nói của tên P là đúng nhưng vì bị cáo quá thích chiếc xe của bị cáo L bán nên bị cáo mới mua giá 21.000.000 đồng để sử dụng. Tuy nhiên, do chơi game bắn cá thua hết tiền nên bị cáo đã bán xe lại cho người không rõ lai lịch cũng với giá như lúc mua là 21.000.000 đồng.

Nay các bị cáo đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời các bị cáo thống nhất chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, biển số 59L1-022.66 của anh L1 có giá trị là 70.000.000 đồng. Các bị cáo G, N, L và T cho biết, do anh L1 chỉ yêu cầu nhóm các bị cáo bồi thường thiệt hại về chiếc xe với tổng số tiền 70.000.000 đồng nên phần mỗi bị cáo là 17.500.000 đồng. Tuy nhiên, do bị cáo L đã được gia đình bồi thường trước cho anh L1 số tiền 20.000.000 đồng nên dư 2.500.000 đồng, bị cáo tự nguyện chuyển sang phụ bồi thường cho phần bị cáo N. Đối với phần của bị cáo N, do mẹ của bị cáo đã bồi thường cho anh L1 trước khi mở phiên tòa được 10.000.000 đồng và được bị cáo L hỗ trợ thêm 2.500.000 đồng nên bị cáo đồng ý bồi thường số tiền còn lại cho anh L1 là 5.000.000 đồng. Riêng phần của 02 bị cáo G và T, do chưa bồi thường nên cùng đồng ý bồi thường đủ cho anh L1 phần mỗi bị cáo là 17.500.000 đồng. Các bị cáo G, N, L và T không có ý kiến gì về việc giải quyết vật chứng đã bị tạm giữ. Riêng bị cáo Tiến chấp nhận nộp số tiền 21.000.000 đồng dùng vào việc mua bán xe để sung quỹ Nhà nước.

Bản cáo trạng số 153/CT-VKS ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo bị cáo Trần Quan G, Nguyễn Hữu N, Liêu Thanh L, Phan Văn Th và Đỗ Hoàng Tra trước Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử đối với các bị cáo G, N, L và T về “Tội cướp tài sản”, trong đó 02 bị cáo G và N theo các điểm d, đ và h; còn 02 bị cáo L và T theo các điểm d và đ cùng khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo T về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị hại anh Lại Văn L1 thừa nhận lời khai trên của các bị cáo G, N, L và T là đúng. Anh cho biết, khi bị xịt hơi cay vào mặt rất đau rát, nước mắt, mũi và miệng chảy ra nên phải bỏ chạy, không kháng cự gì lại được; riêng 02 người bạn gái là chị T và N không bị thiệt hại gì. Nay anh chỉ yêu cầu các bị cáo G, N, L và T bồi thường thiệt hại cho anh giá trị tài sản là chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, biển số 59L1-022.66 là 70.000.000 đồng theo như định giá. Nhưng do gia đình bị cáo L đã bồi thường trước cho anh được 20.000.000 đồng và bị cáo N được

10.000.000 đồng nên yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường phần còn lại là 40.000.000 đồng bằng 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã nêu: Các bị cáo G, N, L và T đã bất ngờ có hành vi xít hơi cay vào người anh Lại Văn L1 là dùng vũ lực ngay tức khắc đối với anh L1 nhằm chiếm đoạt trái phép tài sản của anh L1, tội phạm đã hoàn T, tài sản có giá trị là 70.000.000 đồng và dùng bình xít hơi cay (theo giám định là công cụ hỗ trợ) thực hiện hành vi này nên được coi là “Sử dụng phương tiện nguy hiểm”; riêng 02 bị cáo G và N đã “Tái phạm”, chưa được xóa án tích mà nay lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý nên lần phạm tội này là “Tái phạm nguy hiểm”. Còn bị cáo T biết chiếc xe trên là do nhóm của bị cáo L phạm tội mà có nhưng vẫn mua với giá 21.000.000 đồng; bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà nay lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý nên lần phạm tội này là “Tái phạm”. Trong vụ này, tuy các bị cáo G, N, L và T phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn nhưng phải xem xét bị cáo G là người khởi xướng, rủ rê; bị cáo L chặn đầu xe bị hại và bán tài sản; bị cáo N dùng vũ lực; còn 02 bị cáo G và T trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử lý các bị cáo bằng một mức án thật nghiêm và tương xứng vai trò, N thân của từng bị cáo thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo L đã có thiện chí bồi thường thiệt hại đủ phần của bị cáo, còn bị cáo N bồi thường được 01 phần lớn, nghĩ nên xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Do đó, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168; điểm s (riêng 02 bị cáo L và N thêm điểm b) khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo N, G và L với mức án từ 09 năm đến 10 năm tù. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T với mức án từ 08 năm đến 09 năm tù cùng về “Tội cướp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T với mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đồng thời tổng hợp hình phạt tù với bản án khác. Đề nghị, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và buộc bị cáo T nộp lại số tiền đã dùng vào việc phạm tội là 21.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Còn về vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy 03 cái bình xít hơi cay, 01 cái balo, 01 cuộn băng keo, 01 cái mũ bảo hiểm và 01 con dao Thái Lan. Giao trả lại cho bị cáo G 01 chiếc điện thoại di động hiệu NeoSon và bị cáo L 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 222.

Luật sư Phan Huyền V bào chữa cho bị cáo L thống nhất về tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo. Luật sư nêu lên một số căn cứ pháp lý để bào chữa cho bị cáo, cụ thể: Bị cáo T khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; đã có thiện chí bồi thường thiệt hại cho bị hại đủ phần của bị cáo. Do đó, đề nghị xem xét áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử bị cáo với mức án thấp nhất dưới khung hình phạt đã bị truy tố.

Các bị cáo không ai tranh luận và bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố, còn lời nói sau cùng thì xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra – Công an quận Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nhân dân quận Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các bị cáo Trần Quan G, Nguyễn Hữu N, Liêu Thanh L, Phan Văn Th và Đỗ Hoàng T tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Vào khoảng 03 giờ ngày 16/9/2019, tại trước nhà số 83, đường L K 16-18, Khu phố MT, phường B T Đ, quận B T. Các bị cáo G, N, L và T đã bất ngờ thực hiện hành vi dùng bình xịt hơi cay xịt vào phía trước người anh Lại Văn L1 và khi đó anh L1 rút chìa khóa xe ra bỏ chạy, bị cáo tiếp tục N đuổi theo xịt hơi cay vào phía sau người anh L1 là dùng vũ lực ngay tức khắc đối với anh L1 trong điều kiện đêm khuya vắng người làm cho anh L1 lâm vào tình trạng không thể kháng cự được nhằm chiếm đoạt tài sản và cuối cùng các bị cáo đã đạt mục đích là lấy được chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, biển số 59L1-022.66 của anh L1. Theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì chiếc xe của anh L1 có giá trị là 70.000.000 đồng và các bị cáo đã dùng bình xịt hơi cay được giám định là công cụ hỗ trợ để thực hiện hành vi này nên coi là “Sử dụng phương tiện nguy hiểm”; riêng 02 bị cáo G và N còn đã “Tái phạm”, chưa được xóa án tích mà nay lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý nên lần phạm tội này là “Tái phạm nguy hiểm”. Còn bị cáo Tiến không hứa hẹn gì trước với 04 bị cáo còn lại và biết rõ rằng chiếc xe này là do nhóm của bị cáo L chiếm đoạt được của người khác mà có nhưng vẫn mua với giá 21.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo G, N, L và T đã phạm “Tội cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt đối với các bị cáo G và N được quy định tại điểm d, đ, h; còn các bị cáo L và T được quy định tại điểm d, đ cùng khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo Tiến phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các khai trước đây tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng là các chị Văn Trúc N và Huỳnh Thị Bích T đi cùng với bị hại; hình ảnh trích xuất từ camera an ninh, biên bản nhận dạng, vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội đã thu giữ được; kết luận giám định, định giá tài sản...nên đã đủ chứng cứ buộc tội các bị cáo, một phần lời đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo L

vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Riêng mức án đề nghị của Kiểm sát viên đối với các bị cáo G, N và Tiến là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cùng với N thân của các bị cáo; còn Luật sư bào chữa cho bị cáo L đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử bị cáo L với mức án thấp nhất dưới khung hình phạt đã bị truy tố cũng tương tự như vậy nên không chấp nhận.

Riêng đối với việc, tuy các bị cáo còn có thêm hành vi tàng trữ, sử dụng 01 bình xịt hơi cay loại nhỏ 110ml, hiệu Nato và cất giữ 02 bình xịt hơi cay loại lớn 470ml, hiệu Takedown, theo kết quả giám định đều là công cụ hỗ trợ nhưng do các bị cáo chưa ai bị xử phạt hành chính về hành vi này hay từng bị kết án về loại tội này nên hành vi của các bị cáo chưa đủ yếu tố cấu T “Tội tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ” hoặc “Tội sử dụng trái phép công cụ hỗ trợ” theo quy định tại Điều 306 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo G, N, L và T là rất nghiêm trọng, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn có thể xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác; riêng hành vi của bị cáo Tiến, tuy ít nghiêm trọng nhưng cũng gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân và cùng gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo là hết sức nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trong vụ án này, tuy các bị cáo G, N, L và T chỉ là đồng phạm giản đơn, sự cấu kết thực hiện tội phạm không chặt chẽ nên không được coi là “Có tổ chức” nhưng do bị cáo G là người khởi xướng, rủ rê và cùng với bị cáo T trực tiếp chiếm đoạt tài sản; bị cáo L chặn đầu xe bị hại và bán tài sản; còn bị cáo N dùng vũ lực nên cần phải xem xét khi lượng hình đối với từng bị cáo. Riêng bị cáo Tiến đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà nay lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý nên lần phạm tội này phải chịu thêm tình tiết tăng nặng là “Tái phạm”, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 và đồng thời có N nhân thân xấu là vừa mới 02 lần bị kết án về loại tội này nên cần phải xử lý các bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như N thân của từng bị cáo thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo L đã được gia đình tự nguyện đứng ra bồi thường thiệt hại đủ phần bị cáo, còn bị cáo N được một phần lớn cho bị hại nên cần được xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s (riêng 02 bị cáo L và N thêm điểm b) khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168; khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...*” và “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...*”; do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo người không có nghề

ng nghiệp, người làm nghề tự do và đều không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Xét tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2020/HSST ngày 03/6/2020 của bị Tòa án Nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng T 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2019 về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và hiện nay bị cáo đang chấp hành bản án này nên cần tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST ngày 01/7/2020 của Tòa án Nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng do bị cáo có kháng cáo nên bản án này chưa có hiệu lực pháp luật và không thể tổng hợp hình phạt chung.

[7] Đối với số tiền 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng mà bị cáo T đã sử dụng để mua xe của nhóm bị cáo L và sau đó bán lại cho người cũng với giá này là tiền dùng làm phương tiện phạm tội nhưng do bị cáo đã tiêu xài hết nên cần truy thu, buộc bị cáo nộp lại để suy quỹ Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Xét tại phiên tòa hôm nay, bị hại anh Lại Văn L1 yêu cầu các bị cáo G, N, L và T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh về chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, biển số 59L1-022.66 đã bị mất tương đương với số tiền 70.000.000 đồng như định giá tài sản trong tố tụng và theo đó, mỗi bị cáo phải bồi thường 17.500.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bị cáo L đã bồi thường trước cho anh L1 được 20.000.000 đồng nên phần của bị cáo dư ra 2.500.000 đồng và bị cáo có yêu cầu chuyển 2.500.000 đồng này sang cho phần bồi thường của bị cáo N; còn bản thân bị cáo N, do đã bồi thường cho anh L1 được 10.000.000 đồng nên được xem tổng số tiền đã bồi thường là 12.500.000 đồng; riêng các bị cáo G và T, chưa ai bồi thường gì cho anh L1. Do đó, bị cáo N phải tiếp tục bồi thường phần còn lại cho anh L1 là 5.000.000 đồng; còn các bị cáo G và T mỗi người phải bồi thường cho anh L1 đủ phần của từng bị cáo là 17.500.000 đồng.

[9] Về vật chứng: Đối chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, biển số 59L1-022.66 của anh Lại Văn L1, do bị cáo Tiến đã mua và bán lại cho người không rõ lai lịch nên không thu hồi được; còn chiếc xe mô tô biển số 59L1-225.17 mà bị cáo L sử dụng là của chị Nguyễn Thị L cho bị cáo mượn đi công việc, Cơ quan điều tra đã thu hồi và giao trả lại cho chị L nên không xét. Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Neoson của bị cáo G và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 222 của bị cáo L, do không liên quan gì đến vụ án này nên cần giao trả lại cho các bị cáo. Còn 01 bình xịt hơi cay loại nhỏ 110ml hiệu Nato, 02 bình xịt hơi cay loại lớn 470ml hiệu Takedown, 01 cuộn băng keo hai mặt đã qua sử dụng, 01 con dao Thái Lan cán dài 20cm, 01 cái balo màu đen và 01 cái mũ bảo hiểm hiệu Grab của các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tất cả để tiêu hủy.

[10] Các bị cáo Trần Quan G, Nguyễn Hữu N, Liêu Thanh L, Phan Văn Th và Đỗ Hoàng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; riêng các bị cáo G, N và T còn phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Quan G, Nguyễn Hữu N, Liêu Thanh L và Phan Văn Th phạm “Tội cướp tài sản”. Còn bị cáo Đỗ Hoàng T phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Về điều luật áp dụng và xử phạt:

.Áp dụng điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Quan G 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18-11-2019.

.Áp dụng điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26-11-2019.

.Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Liêu Thanh L 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18-11-2019.

.Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phan Văn Th 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26-11-2019.

.Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng T **02** (hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt này với hình phạt **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2020/HSST ngày 03/6/2020 của bị Tòa án N dân quận Tân Bình, T phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Đỗ Hoàng T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-12-2019.

- Về số tiền dùng làm phương tiện phạm tội: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015. Buộc bị cáo Đỗ Hoàng T nộp lại số tiền 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 585, 586, 589 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo Trần Quan G và Phan Văn Th mỗi người phải bồi thường thiệt hại cho anh Lại Văn L1 số tiền 17.500.000 (mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng; riêng bị cáo Nguyễn

Hữu N phải bồi thường thiệt hại cho anh Lại Văn L1 số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Lại Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo Trần Quan G, Phan Văn Th và Nguyễn Hữu N chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm cho anh L1 tiền lãi theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Giao trả lại cho bị cáo Trần Quan G 01 chiếc điện thoại di động hiệu Neoson và bị cáo Liêu Thanh L 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 222. Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 bình xịt hơi cay loại nhỏ 110ml hiệu Nato, 02 bình xịt hơi cay loại lớn 470ml hiệu Takedown, 01 cuộn băng keo hai mặt đã qua sử dụng, 01 con dao Thái Lan cán dài 20cm, 01 cái balo màu đen và 01 cái mũ bảo hiểm hiệu Grab.

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân đang tạm giữ theo Phiếu nhập kho số NK20/151TAM ngày 23/4/2020)

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các bị cáo Trần Quan G, Nguyễn Hữu N, Liêu Thanh L, Phan Văn Th và Đỗ Hoàng T mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Riêng các bị cáo G và T mỗi người phải chịu thêm 875.000 (tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, còn bị cáo N phải chịu thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trần Quan G, Nguyễn Hữu N, Liêu Thanh L, Phan Văn Th, Đỗ Hoàng T và bị hại anh Lại Văn L1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành dân sự cho anh Lại Văn L các bị cáo G, N và T)

Nơi nhân:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND QBT;
- CA QBT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ – Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Ái

